

HƯỚNG DẪN CHẤM THI
Đề thi chính thức

Hướng dẫn chấm thi gồm: 06 trang

I. HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Giám khảo chấm đúng như đáp án, biểu điểm trong hướng dẫn chấm.
2. Học sinh diễn đạt khác nhưng đúng ý trong đáp án vẫn chấm điểm, tối đa không quá tổng điểm của mỗi câu.
3. Với những câu, ý cần nêu dẫn chứng hoặc diễn giải, nếu không dẫn chứng hoặc diễn giải chỉ cho 1/2 số điểm của câu, ý đó.

II. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (4,0)	a, So sánh sự khác biệt về một số khía cạnh xã hội giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển. Giải thích tại sao cần phải có những chính sách phát triển dân số khác nhau giữa hai nhóm nước trên.	2,0
	• So sánh sự khác biệt về một số khía cạnh xã hội giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển.	
	- Dân cư và đô thị hóa: + Nhóm nước phát triển: có tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp, cơ cấu dân số già, quá trình đô thị hóa diễn ra sớm, tỉ lệ dân thành thị cao. Chất lượng cuộc sống ở mức cao và rất cao.	0,25
	+ Nhóm nước đang phát triển: tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn cao, đang có xu hướng giảm, cơ cấu dân số trẻ, một số nước đang chuyển dịch sang cơ cấu dân số già, trình độ đô thị hóa chưa cao nhưng tốc độ đô thị hóa khá nhanh, tỉ lệ dân thành thị thấp. Chất lượng cuộc sống ở mức cao và trung bình, một số nước vẫn ở mức thấp.	0,5
	- Giáo dục và y tế: Nhóm nước phát triển có hệ thống giáo dục và y tế phát triển, tuổi thọ trung bình cao. Nhóm nước đang phát triển: hệ thống giáo dục và y tế có nhiều tiến bộ, số năm đi học trung bình của nhóm người trên 25 tuổi tăng, tuổi thọ trung bình tăng nhưng nhìn chung vẫn thấp hơn nhóm nước phát triển.	0,25
	• Giải thích tại sao cần phải có những chính sách phát triển dân số khác nhau giữa hai nhóm nước trên.	
	- Nhóm nước đang phát triển: cần thực hiện các chính sách giảm tốc độ gia tăng dân số. Do hiện nay tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên còn cao, dân số tăng nhanh đã và đang tạo ra nhiều áp lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và gây ra nhiều vấn đề về tài nguyên - môi trường (diễn giải).	0,5
	- Nhóm nước phát triển: cần thực hiện chính sách khuyến khích sinh đẻ. Do tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp, một số nước bằng 0 hoặc âm, không đủ mức sinh thay thế, gây thiếu hụt nguồn lao động, tỉ lệ người già cao, chi phí phúc lợi người già lớn...	0,5
	b, Trình bày những hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế. Tại sao toàn cầu hóa làm tăng nguy cơ gây mất bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi quốc gia?	2,0
	• Những hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế: - Tích cực:	

	+ Thúc đẩy chuyên môn hoá, hợp tác hoá, tăng trưởng nhanh kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển chuỗi liên kết toàn cầu.	0,25
	+ Làm gia tăng mối liên hệ, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các quốc gia, khu vực; mở ra nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi những thành tựu của khoa học kĩ thuật tiên tiến và công nghệ hiện đại.	0,25
	+ Làm xuất hiện và nhân rộng các mạng lưới liên kết.	0,25
	- Tiêu cực: Toàn cầu hoá làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo và đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: giữ gìn bản sắc dân tộc, giữ vững tính tự chủ quốc gia về kinh tế,...	0,25
	• Toàn cầu hóa làm tăng nguy cơ gây mất bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi quốc gia vì:	
	- Tiêu chuẩn hóa và đồng nhất hóa: TCH thường đi kèm với tiêu chuẩn hóa và đồng nhất hóa trong nhiều lĩnh vực bao gồm cả kinh tế, giáo dục, truyền thống và văn hóa đại chúng làm suy giảm tính bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi quốc gia.	0,25
	- Ảnh hưởng của văn hóa toàn cầu: phương tiện truyền thông và các yếu tố toàn cầu như: phim ảnh, âm nhạc, thời trang, công nghệ... thường có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa địa phương.	0,25
	- Hiện tượng tiêu thụ toàn cầu: TCH thúc đẩy mô hình tiêu thụ toàn cầu, với sự lan truyền của các sản phẩm và thương hiệu toàn cầu làm giảm vai trò của các sản phẩm và dịch vụ địa phương.	0,25
Câu 2 (4,0)	- Áp lực của thị trường: để cạnh tranh trên thị trường quốc tế, nhiều quốc gia phải thích nghi với các yêu cầu và tiêu chuẩn toàn cầu. Điều này có thể đòi hỏi họ thay đổi các thực tiễn kinh doanh và sản xuất truyền thống, có thể ảnh hưởng đến các mặt của bản sắc văn hóa dân tộc.	0,25
	a, Phân tích những thế mạnh để phát triển cây công nghiệp ở khu vực Đông Nam Á. Để tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu, các nước Đông Nam Á cần có những giải pháp gì?	2,5
	• Thế mạnh phát triển cây công nghiệp.	
	- Thế mạnh về tự nhiên:	
	+ Địa hình chủ yếu là đồi núi và cao nguyên trong đó có những cao nguyên với bề mặt rộng, khá bằng phẳng như Sơn, Xiêng Khoảng... thuận lợi hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn.	0,25
	+ Đất trồng đa dạng, trong đó nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích rất thích hợp trồng các cây công nghiệp lâu năm (đặc biệt là đất đỏ badan).	0,25
	+ Khí hậu đa dạng và phân hóa đa dạng với nhiệt cao, ẩm lớn (diễn giải), thuận lợi để phát triển các loại cây công nghiệp nhiệt đới, ngoài ra còn phát triển được các loại cây công nghiệp cận nhiệt và ôn đới.	0,5
	+ Nguồn nước dồi dào từ: mạng lưới sông ngòi dày đặc và lượng mưa lớn đảm bảo nước tưới cho cây công nghiệp.	0,25
	- Thế mạnh về kinh tế - xã hội:	
	+ Nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong sản xuất cây công nghiệp, thị trường trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng.	0,25
	+ Công nghiệp chế biến các sản phẩm cây công nghiệp ngày càng phát triển, cơ sở vật chất – kĩ thuật, hạ tầng có nhiều tiến bộ; chính sách của nhiều nước khuyến khích phát triển...	0,25
	• Các giải pháp tăng giá trị sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu:	

	- Nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh phát triển công nghệ chế biến nhằm tăng chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của các sản phẩm cây công nghiệp khi xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô.	0,5
	- Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng, quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu, kết nối sản xuất với tiêu thụ sản phẩm.	0,25
	b, Nêu những điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên và những điểm khác nhau về hiện trạng phát triển kinh tế giữa phần lãnh thổ phía tây Hoa Kỳ và phía tây Trung Quốc.	1,5
	• Những điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên:	
	- Vùng lãnh thổ có diện tích rất rộng lớn. - Địa hình hiểm trở, có nhiều núi cao, cao nguyên và bồn địa. - Khí hậu khắc nghiệt, lượng mưa thấp, nhiều hoang mạc. - Giàu khoáng sản, rừng, đồng cỏ chăn nuôi.	0,5
	• Những điểm khác nhau về hiện trạng phát triển kinh tế:	
	- Miền tây Hoa Kỳ: + Trình độ phát triển kinh tế cao hơn, tốc độ phát triển nhanh hơn Trung Quốc. + Cơ cấu ngành đa dạng hơn (diễn giải) + Nhiều trung tâm kinh tế quy mô lớn: Lót An-giơ-let; Xan Phran-xi-cô, Xit-ton...	0,5
	- Miền tây Trung Quốc: + Trình độ phát triển kinh tế thấp hơn, tốc độ phát triển chậm hơn Hoa Kỳ. + Cơ cấu ngành kém đa dạng (chủ yếu các ngành công nghiệp khai khoáng, chăn nuôi du mục...) + Ít trung tâm kinh tế, quy mô nhỏ: U-rum-si, La-sa,...	0,5
Câu 3 (4,0)	a, Tại sao nước ta phải đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính?	2,0
	• Vì ngành chăn nuôi có vai trò rất quan trọng:	
	- Đem lại hiệu quả kinh tế cao, ổn định hơn so với trồng trọt, tạo ra một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị, giúp thu ngoại tệ, tích lũy vốn cho nền kinh tế.	0,25
	- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp, góp phần đảm bảo sự cân đối, hợp lý giữa các phân ngành trong sản xuất nông nghiệp.	0,25
	- Cung cấp thức ăn giàu dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày từ thịt, trứng..., cung cấp phân bón, sức kéo cho ngành trồng trọt, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm và các ngành công nghiệp nhẹ.	0,25
	- Góp phần khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.	0,25
	• Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển ngành chăn nuôi:	
	- Nguồn thức ăn dồi dào từ tự nhiên, trồng trọt và công nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, chất lượng con giống ngày càng được cải thiện, cho năng suất cao. Nguồn lao động dồi dào, có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi.	0,25
	- Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ chăn nuôi ngày càng được đảm bảo, thị trường trong và ngoài nước ngày càng mở rộng. Nhà nước luôn quan tâm, khuyến khích phát triển ngành chăn nuôi...	0,25
	• Tuy nhiên, hiện nay, vị thế của ngành chăn nuôi còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng: Tỉ trọng của ngành chăn nuôi còn nhỏ so với ngành trồng trọt (d/c).	0,5
	b, Quy luật phân bố của công nghiệp điện lực và chứng minh quy luật đó ở VN.	2,0
	• Quy luật phân bố của công nghiệp điện lực:	

	- Phân bố gần nguồn nhiên liệu (nhà máy nhiệt điện), nguồn thủy năng (thủy điện)...	0,25
	- Phân bố hướng về vùng tiêu thụ, nơi có kinh tế phát triển, tập trung đông dân cư trong khi nguồn nhiên liệu hạn chế.	0,25
	- Do đặc điểm của CN điện là sản xuất đến đâu phải tiêu thụ ngay đến đó nên phải có mạng lưới chuyển tải điện thống nhất giữa các nhà máy với nơi tiêu thụ.	0,25
	• Chứng minh quy luật đó ở Việt Nam:	
	- Phân bố gần nguồn nhiên liệu: + Thủy điện: thường phân bố ở thượng nguồn các con sông: tập trung nhiều nhất trên HTS Hồng, HTS Đồng Nai, Tây Nguyên, DHNTB... (d/c).	0,25
	+ Nhiệt điện: phân bố gần với nguồn nhiên liệu: ở miền Bắc tập trung chủ yếu ở ĐBSH do sử dụng nhiên liệu chính từ bể than Quảng Ninh (d/c), miền Nam tập trung chủ yếu ở ĐNB và ĐBSCL do sử dụng nhiên liệu từ dầu khí (d/c).	0,25
	+ Điện Mặt Trời: phân bố chủ yếu ở miền Nam do có nguồn năng lượng bức xạ Mặt Trời lớn...	0,25
	- Gần nơi tiêu thụ: ĐBSH có nhà máy nhiệt điện Ninh Bình, Nam Bộ có nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu FO nhập khẩu Thủ Đức, Trà Nóc... nhưng công suất nhỏ.	0,25
	- Mạng lưới đường dây tải điện, các trạm biến áp phân bố rộng khắp và ngày càng hiện đại đảm bảo chuyển tải điện từ nơi sản xuất tới nơi tiêu, thụ đặc biệt là đường dây siêu cao áp 500kV dài 1488km nối từ Hòa Bình tới Phú Lâm và đường dây 220kV.	0,25
Câu 4 (4.0)	a, Trong điều kiện hiện nay, tại sao nước ta phải đẩy mạnh hoạt động nội thương?	2,0
	Trong điều kiện hiện nay, khi nước ta đang tiến lên nền sản xuất hàng hóa và xu hướng toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng sâu rộng, hoạt động nội thương có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển KT-XH của nước ta, vì:	0,25
	- Nội thương là khâu nối giữa SX - SX, SX – TD, đảm bảo cho quá trình sản xuất, lưu thông hàng hóa, dịch vụ trong nước được thông suốt.	0,25
	- Có vai trò điều tiết sản xuất, thúc đẩy tái sản xuất mở rộng trong nước; có vai trò hướng dẫn tiêu dùng: thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng trong nước hoặc tạo ra những tập quán tiêu dùng mới. Tạo điều kiện phát triển ngoại thương, gắn kết thị trường trong nước với quốc tế.	0,5
	- Là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ thông qua việc thúc đẩy trao đổi hàng hóa giữa các vùng, ngành trong cả nước. Phát huy tiềm năng và thế mạnh của từng vùng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước.	0,5
	- Đẩy mạnh nội thương tạo ra sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước, đòi hỏi các doanh nghiệp phải năng động, sáng tạo, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường... góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, giúp các doanh nghiệp tồn tại và phát triển.	0,5
	b, So sánh thế mạnh tự nhiên để phát triển du lịch biển đảo giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ của nước ta. Việt Nam cần làm gì để phát triển du lịch bền vững?	2,0
	• So sánh thế mạnh tự nhiên để phát triển du lịch biển đảo giữa vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:	
	<u>Giống nhau:</u> - Đường bờ biển dài, khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh đẹp, nhiều bãi biển đẹp... (d/c). - Có nhiều đảo ven bờ (d/c).	0,5

	- Có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với hệ sinh vật biển phong phú.																
	Khác nhau:																
	- Thế mạnh của DHNTB so với BTB: + Đường bờ biển dài hơn, nhiều vũng vịnh, nhiều bãi biển đẹp nổi tiếng hơn (d/c). + Có nhiều đảo ven bờ, các quần đảo xa bờ có tiềm năng du lịch lớn hơn (d/c) + Có nguồn sinh vật biển đa dạng hơn, có các khu dự trữ sinh quyển thế giới (d/c). + Khí hậu nắng ấm quanh năm có thể phát triển du lịch biển đảo quanh năm.	0,5															
	- Thế mạnh của BTB: thêm lục địa rộng, nhiều tiềm năng phát triển du lịch tắm biển (d/c).	0,25															
	• <i>Việt Nam cần làm gì để phát triển du lịch bền vững?</i>																
	- Du lịch bền vững (Sustainable Tourism): “Là du lịch giảm thiểu chi phí và nâng cao tối đa các lợi ích của du lịch cho môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương và có thể được thực hiện lâu dài nhưng không ảnh hưởng xấu đến nguồn lợi mà nó phụ thuộc vào”. (Theo UNWTO – Tổ chức Du lịch Thế giới). Du lịch bền vững đem lại hiệu quả cao, bền vững ở cả 3 góc độ: kinh tế, xã hội và tài nguyên môi trường.	0,25															
	- Để phát triển du lịch bền vững Việt Nam cần: + Đa dạng và tạo thêm các sản phẩm du lịch độc đáo. Tôn tạo, bảo vệ TN - MT, các di tích văn hóa, lịch sử gắn với lợi ích cộng đồng. + Đẩy mạnh giáo dục và đào tạo về du lịch nhằm nâng cao chất lượng lao động trong lĩnh vực này... + Khác: Phát triển, nâng cấp hệ thống CSVC, hạ tầng phục vụ du lịch, cần có các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cho các địa phương, đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch...	0,5															
Câu 5 (4,0)	a. Vẽ biểu đồ thể hiện quy mô, cơ cấu sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2013 và 2021.	2,0															
	<i>Xử lý số liệu:</i> Cơ cấu sản lượng điện phát ra phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2013 và 2021 (Đơn vị: %) <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th><th>2013</th><th>2021</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tổng số</td><td>100</td><td>100</td></tr> <tr> <td>Nhà nước</td><td>89,3</td><td>70,6</td></tr> <tr> <td>Ngoài Nhà nước</td><td>3,1</td><td>22,1</td></tr> <tr> <td>Có vốn đầu tư nước ngoài</td><td>7,6</td><td>7,3</td></tr> </tbody> </table>	Năm	2013	2021	Tổng số	100	100	Nhà nước	89,3	70,6	Ngoài Nhà nước	3,1	22,1	Có vốn đầu tư nước ngoài	7,6	7,3	0,5
Năm	2013	2021															
Tổng số	100	100															
Nhà nước	89,3	70,6															
Ngoài Nhà nước	3,1	22,1															
Có vốn đầu tư nước ngoài	7,6	7,3															
	• <i>Tính bán kính:</i> Cho $R_{2013} = 1$ đvbk thì $R_{2021} = 1,4$ đvbk	0,25															
	<i>Vẽ biểu đồ tròn, các dạng khác không chấm điểm phần vẽ.</i> - Yêu cầu: chính xác, rõ ràng, thẩm mỹ, có đầy đủ thông tin. - Sai tỉ lệ cho tối đa 0,5 điểm. - Vẽ bán kính bằng nhau, dùng bút chì (trừ đường tròn), hoặc dùng 2 màu mực: mỗi yếu tố trừ 0,5 điểm. - Thiếu các yếu tố: tên biểu đồ, chú thích, đơn vị... mỗi yếu tố trừ 0,25 điểm.	1,25															
	b. Nhận xét và giải thích về sự thay đổi quy mô, cơ cấu sản lượng điện:	2,0															
	• <i>Nhận xét</i>																
	- Về quy mô: + Sản lượng điện phát ra của cả nước và các thành phần đều tăng (d/c).	0,25															

+ Quy mô và tốc độ tăng trưởng của mỗi thành phần khác nhau (d/c).	0,25
- Về cơ cấu: + Thành phần Nhà nước: chiếm phần lớn tỉ trọng, xu hướng giảm (d/c). + Thành phần ngoài Nhà nước: năm 2013 chiếm tỉ trọng nhỏ nhất nhưng tăng nhanh, tới năm 2021 chiếm tỉ trọng lớn thứ 2 (d/c). + Thành phần có vốn đầu tư nước ngoài: giảm nhẹ, hiện có tỉ trọng thấp nhất (d/c).	0,5
• <i>Giải thích</i>	
- Sản lượng điện phát ra của cả nước và các thành phần đều tăng do: nước ta đang đẩy mạnh quá trình CNH - HĐH, nhu cầu điện trong sản xuất – sinh hoạt tăng, nhiều nhà máy điện quy mô lớn đi vào hoạt động, các điều kiện khác (vốn, chính sách, CSVC - KT...).	0,25
- Cơ cấu sản lượng điện có sự chuyển dịch do tốc độ tăng khác nhau: + Thành phần Nhà nước chiếm phần lớn tỉ trọng, xu hướng giảm do: vốn lớn, quản lí các công trình điện lớn, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; giảm là do chính sách đa dạng hóa các thành phần tham gia sản xuất điện.	0,25
+ Thành phần ngoài Nhà nước tỉ trọng thấp nhất nhưng tăng nhanh do: các thành phần đa dạng, còn nhiều tiềm lực, phát triển các nguồn năng lượng mới.	0,25
+ Thành phần có vốn đầu tư nước ngoài tỉ trọng thấp, giảm nhẹ do: còn gặp nhiều khó khăn trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu phát triển điện từ dầu khí, năng lượng tái tạo...	0,25

----- HẾT -----